

Quảng Yên, ngày 10 tháng 7 năm 2026

Số: 02 /TB-HĐTD

THÔNG BÁO

Niêm yết công khai danh sách, thời gian công tác, dự toán kinh phí thực hiện chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách thôn theo Nghị định 154/2025/NĐ-CP

Căn cứ Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế;

Căn cứ Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2026 của UBND tỉnh phê duyệt Phương án tổng thể sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Kế hoạch số 58-KH/ĐU ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Đảng ủy xã Quảng Yên về việc lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thiện Đề án và tổ chức thực hiện sắp xếp thôn trên địa bàn xã Quảng Yên;

Thực hiện Công văn số 2869/SNV-XDCQ&CTTN ngày 14 tháng 5 năm 2026 của Sở nội vụ tỉnh Thanh Hóa về việc hướng dẫn thẩm định, phê duyệt danh sách đối tượng tinh giản biên chế đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

Thực hiện Quyết định số 31/2026/QĐ-CTUBND ngày 21 tháng 4 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ủy quyền cho Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt danh sách đối tượng và kinh phí thực hiện tinh giản biên chế đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố theo quy định tại Nghị định 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của chính phủ về tinh giản biên chế;

Ngày 10 tháng 7 năm 2026 Hội đồng Hội đồng thẩm định hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, tổ dân phố theo Nghị định 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của chính phủ về tinh giản biên chế xã Quảng Yên đã tổ chức Hội nghị họp xét duyệt hồ sơ, thông qua danh sách, thời gian công tác, mức phụ cấp hiện hưởng và dự toán kinh phí thực hiện tinh giản biên chế đối với 21 người hoạt động không chuyên trách thôn.

Để đảm bảo công khai dân chủ, Hội đồng thẩm định hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, tổ dân phố theo Nghị định 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của chính phủ về tinh giản biên chế xã Quảng Yên thông báo niêm yết công khai danh sách, thời gian công tác, mức phụ cấp hiện hưởng và kinh phí thực hiện tinh giản biên chế đối với 21 người hoạt động không chuyên trách thôn.

- **Hình thức niêm yết công khai:** Niêm yết danh sách tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã, trên Trang thông tin điện tử xã và hệ thống truyền thanh xã Quảng Yên.

(Có danh sách niêm yết kèm theo).

- **Thời gian niêm yết công khai:** 10 ngày làm việc, kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

Mọi thông tin, ý kiến, phản ánh của công dân, tổ chức gửi về UBND xã (qua Đ/c Đỗ Thị Lý, công chức chuyên môn Phòng Văn hoá – Xã hội; SĐT: 0393214256); Hết thời gian 10 ngày niêm yết công khai, Phòng Văn hóa - Xã hội có trách nhiệm tổng hợp các ý kiến, phản ánh về Hội đồng để xem xét quyết định.

Nếu không có kiến nghị của các đối tượng và nhân dân địa phương. Hội đồng thẩm định hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, tổ dân phố theo Nghị định 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ về tinh giản biên chế xã Quảng Yên căn cứ kết quả niêm yết công khai đề nghị Chủ tịch UBND xã ban hành Quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí thực hiện chế độ chính sách cho người hoạt động không chuyên trách thôn theo quy định./.

Nơi nhận:

- VP HĐND&UBND, TTHCC (niêm yết);
- Trưởng thôn (niêm yết);
- TT. Cung ứng DVC (T/ báo, niêm yết);
- Lưu: VT, VHXX.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Mai Đình Thủy
CHỦ TỊCH UBND XÃ

UBND XÃ QUẢNG YÊN
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH HỒ SƠ

DANH SÁCH VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 154/2025/NĐ-CP
NGÀY 15/6/2025 CỦA CHÍNH PHỦ

(ĐỐI VỚI NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH THÔN)

(Kèm theo Thông báo số: /TB-HĐTĐ ngày 10/7/2026 của Hội đồng thẩm định hồ sơ 154/2025/NĐ-CP xã Quảng Yên)

TT	Họ và tên	Giới tính	Tháng, năm sinh	Chức vụ/Chức danh	Hệ số	Phụ cấp hiện hưởng (1000 đồng)	Thời gian bắt đầu công tác ở chức danh NHĐKCT ở cấp xã	Thời điểm nghỉ	Tuổi khi nghỉ việc		Thời gian công tác ở chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã		Thời gian công tác có đóng BHXH bắt buộc ở các vị trí việc làm khác		Tổng thời gian công tác		Các khoản trợ cấp được hưởng (1000 đồng)			Tổng số tiền trợ cấp được hưởng (1000 đồng)	Ghi chú
									Năm	Tháng	Năm	Tháng	Năm	Tháng	Năm	Tháng	Trợ cấp 1 lần	Trợ cấp cho mỗi năm công tác	Trợ cấp để tìm việc làm		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21 = 18+19+20	22
Tổng cộng																	1,296,921	438,575	77,220	1,812,716	
1	Đặng Văn Chuyên	Nam	01/03/1956	Bí thư chi bộ thôn Mỹ Khê	1.1	2,574	8/2005	01/7/2026	70	3	20	11			20	11	38,610			38,610	
2	Ngô Tiến Sơn	Nam	12/04/1961	Bí thư chi bộ thôn Trạch Trung	1.0	2,340	02/2020	01/7/2026	65	2	6	5			6	5	35,100			35,100	
3	Ngô Tiến Vui	Nam	20/10/1961	Trưởng thôn Trạch Trung	1.0	2,340	4/2010	01/7/2026	64	8	16	3			16	3	35,100			35,100	
4	Phùng Văn Đồng	Nam	20/05/1957	Trưởng thôn Đa Phú	1.0	2,340	10/2006	01/7/2026	69	1	17	3			17	3	35,100			35,100	

5	Hoàng Khắc Tư	Nam	24/04/1969	Trưởng thôn Cầu Đồng	1.1	2,574	12/2004	01/7/2026	57	2	18	3			18	3	119,433.6	71,428.5	7,722	198,584.1	
6	Lê Thế Kiệm	Nam	05/10/1957	Bí thư chi bộ thôn Nhân Trạch	1.1	2,574	2/2025	01/7/2026	68	8	1	5			1	5	38,610			38,610	
7	Lê Sỹ Quyền	Nam	10/10/1960	Bí thư chi bộ thôn Mỹ Trạch	1.0	2,340	7/2022	01/7/2026	65	8	4	0			4	0	35,100			35,100	
8	Lê Văn Luật	Nam	10/05/1966	Trưởng thôn Mỹ Trạch	1.0	2,340	5/2013	01/7/2026	60	1	5	6			5	6	43,056	19,305	7,020	69,381	
9	Hoàng Bùi Sớm	Nam	01/01/1954	Bí thư chi bộ thôn Trạch Hồng	1.0	2,340	3/2020	01/7/2026	72	5	6	4			6	4	35,100			35,100	
10	Nguyễn Mạnh Hùng	Nam	20/09/1980	Trưởng ban CTMT thôn Yên Cảnh	0.9	2,106	10/2018	01/7/2026	45	9	3	11			3	11	79,185.6	12,636	6,318	98,139.6	
11	Lê Văn Quyền	Nam	27/03/1991	Trưởng ban CTMT thôn Phú Ninh	0.9	2,106	3/2025	01/7/2026	35	3	1	4			1	4	26,956.8	4,738.5	6,318	38,013.3	
12	Nguyễn Huy Tăng	Nam	05/07/1979	Trưởng ban CTMT thôn Cổ Duệ	0.8	1,872	3/2025	01/7/2026	46	11	1	4			1	4	23,961.6	4,212	5,616	33,789.6	
13	Đàm Thị Huyền	Nữ	17/04/1977	Trưởng thôn Yên Vực	1.1	2,574	8/2005	01/7/2026	49	2	20	11			20	11	123,552	81,081	7,722	212,355	
14	Cù Tiến Sỹ	Nam	24/03/1974	Trưởng thôn 1	1.0	2,340	12/2004	01/7/2026	52	3	16	9			16	9	112,320	59,670	7,020	179,010	
15	Lê Văn Thịnh	Nam	01/09/1962	Trưởng thôn 2	1.0	2,340	8/2016	01/7/2026	63	9	9	11			9	11	35,100			35,100	
16	Lê Sỹ Nhất	Nam	23/08/1963	Trưởng thôn 3	1.1	2,574	5/2011	01/7/2026	62	10	15	2			15	2	38,610			38,610	

17	Lê Văn Nhất	Nam	04/08/1972	Trường thôn 4	1.1	2,574	12/2021	01/7/2026	53	10	4	7			4	7	113,256	19,305	7,722	140,283	
18	Lê Trí Huy	Nam	20/11/1966	Trường thôn 5	1.0	2,340	12/2004	01/7/2026	59	7	21	7			21	7	54,288	77,220	7,020	138,528	
19	Vũ Đình Nhân	Nam	22/05/1959	Bí thư chi bộ thôn 6	1.1	2,574	12/2004	01/7/2026	67	1	21	7			21	7	38,610			38,610	
20	Lê Văn Hợp	Nam	19/05/1972	Trường thôn 7	1.0	2,340	12/2010	01/7/2026	54	1	15	7			15	7	112,320	56,160	7,020	175,500	
21	Hoàng Thị Ngân	Nữ	21/07/1982	Trường thôn Mỹ Khê	1.1	2,574	9/2015	01/7/2026	43	11	8	3			8	3	123,552	32,818.5	7,722	164,092.5	

(Danh sách này có 21 người)